BỘ TƯ PHÁP	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1046 /BTP-TĐKT	
V/v hướng dẫn xét, đề nghị tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp" năm 2015	*Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2015*

740
10/04/15

Kính gửi:

- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BTP ngày 19/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp" (sau đây gọi là Quy chế) và hướng đến kỷ niệm 70 năm ngày truyền thống ngành Tư pháp (ngày 28/8/2015) đạt kết quả, Bộ hướng dẫn xét, đề nghị tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp" năm 2015 cụ thể như sau:

I. Đối tượng xét tặng

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quy chế:

1. Những cá nhân đã và đang công tác trong ngành Tư pháp hoặc làm công tác tư pháp, bao gồm:

a) Cá nhân công tác tại các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương và các cơ quan Thi hành án quân đội;

b) Cá nhân công tác tại các cơ quan Tư pháp địa phương: Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Ban Tư pháp (nay là chức danh Tư pháp – Hộ tịch cấp xã); tổ chức pháp chế Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước do Nhà nước nắm giữ 100% vốn, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, các tổ chức trọng tài, luật sư, giám định tư pháp ở Trung ương và địa phương, các tổ hoà giải.

2. Những cá nhân công tác ở các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; cá nhân là người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài.

II. Tiêu chuẩn xét tặng.

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy chế:

1. Đối với cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Quy chế, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Bộ trưởng, Thứ trưởng Bộ Tư pháp;

b) Lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp và lãnh đạo Sở Tư pháp được đề nghị xét tặng khi đủ 1 nhiệm kỳ đối với cấp trưởng và 2 nhiệm kỳ đối với cấp phó;

c) Cá nhân công tác ở ngành Tư pháp hoặc làm công tác tư pháp được công nhận là Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang được đề nghị xét tặng ngay sau khi có quyết định khen thưởng;

d) Cá nhân có thời gian công tác trong ngành Tư pháp hoặc làm công tác tư pháp từ đủ 20 năm trở lên đối với nam và từ đủ 15 năm trở lên đối với nữ; cá nhân có ít nhất 5 năm liên tục trực tiếp làm công tác hoà giải tại thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố và có thành tích xuất sắc được khen thưởng từ 03 Giấy khen của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện hoặc từ 01 Bằng khen của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh trở lên về công tác hoà giải;

e) Cá nhân công tác trong các ngành bảo vệ pháp luật (Công an, Kiểm sát, Toà án) chuyển về ngành Tư pháp hoặc từ ngành Tư pháp chuyển sang các ngành bảo vệ pháp luật có 20 năm công tác liên tục, trong đó thời gian công tác trong ngành Tư pháp có ít nhất 5 năm trở lên đối với nam và 4 năm trở lên đối với nữ;

g) Cá nhân công tác trong các ngành, tổ chức khác chuyển về ngành Tư pháp hoặc từ ngành Tư pháp chuyển sang các ngành, tổ chức khác có 25 năm công tác liên tục, trong đó thời gian công tác trong ngành Tư pháp có ít nhất 10 năm trở lên đối với nam và 8 năm trở lên đối với nữ.

2. Đối với cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Quy chế, đạt một trong các điều kiện sau:

a) Có công lao trong việc lãnh đạo, chỉ đạo góp phần vào công cuộc phát triển sự nghiệp Tư pháp Việt Nam;

b) Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tư pháp (Ban chỉ đạo Thi hành án; Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, các tổ chức khác) thời gian từ 5 năm trở lên;

c) Có công trình khoa học hoặc sáng kiến, giải pháp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận, có giá trị thiết thực đóng góp cho sự phát triển của ngành Tư pháp;

d) Có công lao trong việc xây dựng và củng cố quan hệ hợp tác giữa các nước, các tổ chức quốc tế với ngành Tư pháp, đóng góp tích cực cho sự nghiệp Tư pháp Việt Nam;

e) Giúp đỡ, ủng hộ xứng đáng về tài chính hoặc vật chất cho sự phát triển của ngành Tư pháp.

3. Các cá nhân khác theo Quyết định của Bộ trưởng:

a) Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và lãnh đạo các Bộ, ban, ngành ở Trung ương có công lao trong việc lãnh đạo, chỉ đạo góp phần vào công cuộc phát triển sự nghiệp Tư pháp Việt Nam;

b) Các cá nhân khác thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 3 có thành tích xuất sắc, đột xuất.

III. Cách tính thời gian công tác để xét tặng Kỷ niệm chương đối với một số trường hợp cụ thể

1. Cá nhân công tác trong ngành Tư pháp hoặc làm công tác tư pháp ở các tỉnh, huyện, xã miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng biên giới, hải đảo thì thời gian công tác thực tế tại các địa bàn trên được nhân với hệ số 1,2 (đối với các tỉnh, huyện, xã có hệ số phụ cấp khu vực từ 0,1 đến 0,5) và được nhân với hệ số 1,5 (đối với các tỉnh, huyện, xã có hệ số phụ cấp khu vực 0,7 và 1,0) để tính thời gian công tác trong ngành Tư pháp.

2. Cá nhân trong thời gian công tác trong ngành Tư pháp hoặc làm công tác tư pháp được khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao của ngành Tư pháp và của Nhà nước thì được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn thời gian quy định tuỳ thuộc vào danh hiệu hoặc hình thức khen cao nhất đã được khen thưởng như sau:

a) Huân chương Lao động các hạng được đề nghị xét tặng sớm hơn 5 năm;

b) Chiến sỹ thi đua toàn quốc được đề nghị xét tặng sớm hơn 3 năm;

c) Cá nhân được khen thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ hoặc Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp được đề nghị xét tặng sớm hơn 2 năm.

3. Cá nhân công tác trong ngành Tư pháp hoặc làm công tác tư pháp theo hình thức hợp đồng không xác định thời hạn thì thời gian công tác trong Ngành được tính từ thời điểm ký hợp đồng không xác định thời hạn.

4. Cá nhân là cán bộ, công chức cấp xã (được quy định tại Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn) thì thời gian công tác liên tục được tính từ thời điểm bắt đầu tham gia công tác (đối với cán bộ, công chức tư pháp, hộ tịch thì thời gian làm công tác tư pháp được tính từ thời điểm bắt đầu tham gia công tác tư pháp, hộ tịch).

5. Cá nhân có đủ thời gian công tác quy định tại điểm d, e, g Khoản 1 Điều 4 của Quy chế nhưng bị kỷ luật dưới mức buộc thôi việc hoặc dưới mức khai trừ Đảng chỉ được xét tặng sau 3 năm, tính từ thời điểm có quyết định xoá kỷ luật hoặc hết hạn kỷ luật Đảng. Thời gian chịu kỷ luật không được tính để xét tặng Kỷ niệm chương.

6. Trường hợp cá nhân có thời gian giữ chức vụ cấp trưởng, nhưng không đủ để được xét theo tiêu chuẩn quy định đối với cấp trưởng thì được cộng với số thời gian

giữ chức vụ cấp phó để tính tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương theo chức vụ cấp phó.

IV. Một số lưu ý

1. Cá nhân đã được tặng Huy chương "Vì sự nghiệp Tư pháp" ban hành theo Quyết định số 713/TC ngày 22/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp thì không xét tặng Kỷ niệm chương theo Quy chế.

2. Những cá nhân bị kỷ luật buộc thôi việc, khai trừ Đảng hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì không được xét tặng Kỷ niệm chương.

V. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương

Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương gồm:

1. Tờ trình đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương của đơn vị (mẫu 1).

2. Danh sách trích ngang đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương (cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 3 lập theo mẫu 2A; cá nhân quy định tại Khoản 2 Điều 3 lập theo mẫu 2B).

3. Bản kê khai tóm tắt thành tích và quá trình công tác của cá nhân, có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị quản lý cán bộ (cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 3 lập theo mẫu 3A; cá nhân quy định tại Khoản 2 Điều 3 lập theo mẫu 3B); cá nhân đã nghỉ hưu do cơ quan quản lý ra quyết định nghỉ hưu xác nhận.

4. Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hoặc Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở của các đơn vị thuộc Bộ.

5. Bản sao các quyết định khen thưởng, quyết định kỷ luật, quyết định xoá kỷ luật liên quan đến việc xét tặng Kỷ niệm chương theo quy định tại điểm c, d Khoản 1 Điều 4; Khoản 2, 5 Điều 5 của Quy chế.

6. Đối với cá nhân là người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài thì phải có văn bản nhận xét và đề nghị của các đơn vị chức năng của Bộ Tư pháp.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Quy trình xét tặng thực hiện theo quy định tại Điều 7, 8, 9, 10 Quy chế.

2. Văn phòng Bộ có trách nhiệm rà soát, lập hồ sơ, đề xuất tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp" cho các đồng chí là Lãnh đạo Bộ.

3. Tổng cục Thi hành án dân sự có trách nhiệm hướng dẫn Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng (cơ quan thi hành án Quân đội) triển khai thực hiện; tiếp nhận hồ sơ do Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng

chuyển đến; đồng thời, tiến hành họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Tổng Cục để xét, lập danh sách và gửi hồ sơ đề nghị tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp" về Vụ Thi đua - Khen thưởng trước ngày 05 tháng 5 năm 2015 để Vụ thẩm định, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ngành xét trình Bộ trưởng.

4. Đề nghị các đơn vị thuộc Bộ, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sớm triển khai thực hiện, gửi hồ sơ đề nghị xét tặng về Bộ Tư pháp (qua Vụ Thi đua – Khen thưởng) trước ngày 05/5/2015 để thẩm định, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành. Bộ sẽ không xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp" đối với các trường hợp hồ sơ gửi sau ngày 05/5/2015. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc, phản ánh kịp thời về Vụ Thi đua - Khen thưởng để được hướng dẫn, giải đáp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Thúy Hiền (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ TĐKT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ THI ĐUA - KHEN THƯỞNG

Nguyễn Thị Tố Nga

Mẫu số 1

Đơn vị..... **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *....., ngày... tháng... năm 200*

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp"

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Căn cứ Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp" ban hành theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BTP ngày 19 / 3 /2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Căn cứ kết quả cuộc họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ..... ngày / /201...

Đơn vị .....đã xét và đề nghị tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp" cho..... người. Có danh sách và hồ sơ cá nhân kèm theo.

Trong đó:

1. Đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Quy chế

a) Đang làm việc ..... người.

b) Đã nghỉ hưu ..... người.

2. Đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Quy chế

a) Đang làm việc ..... người.

b) Đã nghỉ hưu ..... người.

Đơn vị .....xin trình Bộ Tư pháp xem xét, quyết định./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu)

Nơi nhận:

-

-

- Lưu:

(Họ và tên người ký)

Mẫu số 2A

Đơn vị:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 201

DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG "VÌ SỰ NGHIỆP TƯ PHÁP"

(Đối với cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 3)

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Ngày vào biên chế	Ngày vào ngành TP	Số năm công tác trong ngành TP	Số năm công tác		Ghi chú (tiêu chuẩn đặc cách)
		Nam	Nữ						Đang công tác	Đã nghỉ hưu	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Người lập biểu
(Ký tên)

(Họ và tên người lập biểu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

(Họ và tên người ký)

Mẫu số 2B

Đơn vị:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 201

DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG "VÌ SỰ NGHIỆP TƯ PHÁP"

(Đối với cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 3)

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Công lao đóng góp cho ngành TP	Số năm công tác		Ghi chú
		Nam	Nữ				Đang công tác	Đã nghỉ hưu	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Người lập biểu
(Ký tên)

(Họ và tên người lập biểu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

(Họ và tên người ký)

Mẫu số 3A

Đơn vị:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 201

BẢN TÓM TẮT THÀNH TÍCH VÀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG "VÌ SỰ NGHIỆP TƯ PHÁP"

(Đối với cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 3)

- Họ và tên : Nam, nữ.....
- Ngày tháng năm sinh : Dân tộc :
- Nơi ở hiện nay :
- Chức vụ và nơi công tác hiện nay (hoặc trước khi nghỉ hưu):
- Ngày tháng năm vào biên chế:
- Ngày tháng năm vào làm việc trong ngành Tư pháp:
- Số năm công tác trong ngành Tư pháp:
- Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã được khen tặng (Anh hùng, Huân chương lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp):
- Hình thức kỷ luật: ..... theo :

+ Quyết định Kỷ luật số .... ngày ..... tháng... năm....

+Quyết định xóa kỷ luật số .....ngày.....tháng .... năm...

- Ngày nghỉ hưu:
- Đề nghị tặng Kỷ niệm chương theo tiêu chuẩn quy định tại điểm..... Khoản..... Điều..... Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương " Vì sự nghiệp Tư pháp".

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Thời gian công tác	**Chức vụ**	**Nơi công tác**
(Kê khai **liên tục** từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)		

* *Lưu ý:* Nêu rõ nơi công tác (đến cấp xã) đối với khoảng thời gian công tác trong ngành Tư pháp hoặc làm công tác tư pháp tại các xã miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng biên giới hải đảo.

XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CÁN BỘ *(Ký, đóng dấu)*	**Người khai** *(Ký tên)*
(Họ và tên người ký)	**(Họ và tên người ký)**

Mẫu số 3B

Đơn vị:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 201

BẢN TÓM TẮT THÀNH TÍCH VÀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG "VÌ SỰ NGHIỆP TƯ PHÁP"

(Đối với cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 3)

- Họ và tên: Nam, nữ
- Ngày tháng năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:
- Nơi ở hiện nay:
- Chức vụ và nơi công tác hiện nay (hoặc trước khi nghỉ hưu):

.....

- Công lao đóng góp cho ngành Tư pháp:

.....

.....

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Thời gian công tác	Chức vụ	Nơi công tác
(Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)		

XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CÁN BỘ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)
(Không áp dụng với cá nhân là người Việt nam ở nước ngoài và người nước ngoài ở phần x/nh này)
(Họ và tên người ký)

Người khai
(Ký tên)

(Họ và tên người ký)